

Số: 15 /2020/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2020

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2013/TT-NHNN ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt; Nghị định số 80/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thanh toán;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2013/TT-NHNN ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Thông tư số 26/2013/TT-NHNN).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2013/TT-NHNN như sau:

1. Bổ sung Điều 1b như sau:

“Điều 1b. Phí duy trì số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ

1. Ngân hàng Nhà nước thu phí duy trì số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của Kho bạc Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước. Phí duy trì số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ được tính trên cơ sở số dư thực tế, số ngày duy

trì số dư và mức phí quy đổi theo tỷ lệ %/năm. Mức phí do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định trong từng thời kỳ.

2. Việc thu phí duy trì số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ được thực hiện như sau:

a) Định kỳ hàng tháng, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước tính và thu phí duy trì số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của Kho bạc Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại điểm b khoản này.

b) Số phí phải thu trong tháng được tính bằng công thức sau:

- Tổng số phí phải thu trong tháng bằng tổng số phí phải thu từng ngày trong tháng đó.

- Số phí phải thu từng ngày được tính theo công thức sau:

$$\text{Số phí phải thu từng ngày} = \frac{\text{Số dư thực tế} \times \text{Mức phí duy trì số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ}}{365}$$

Trong đó: (i) Số dư thực tế là số dư tiền gửi đầu ngày trên tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ trong tháng tính phí của Kho bạc Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước; (ii) Mức phí duy trì số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

“**Điều 2.** Định kỳ hàng tháng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước sử dụng mẫu Bảng kê từ Phụ lục số 01 đến Phụ lục số 07 và Phụ lục số 09, 10, 11 ban hành kèm theo Thông tư này để tính, thu phí dịch vụ thanh toán và tổng hợp số liệu thu phí dịch vụ thanh toán theo mẫu Phụ lục số 08, 12 ban hành kèm theo Thông tư này.

Đối với phí duy trì số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ quy định tại Điều 1b Thông tư này và phí dịch vụ thanh toán quốc tế tại Phần IV Biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư này, trường hợp số dư trên tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của đối tượng trả phí tại Ngân hàng Nhà nước không đủ để thực hiện ghi Nợ tài khoản và thu phí, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước tính quy đổi số phí phải thu ra Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá hạch toán tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước của ngày thu phí, sau đó ghi Nợ vào tài khoản thanh toán bằng VND của đối tượng trả phí để thực hiện thu phí.”.

3. Phần IV “Phí dịch vụ thanh toán quốc tế” tại Biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-NHNN được sửa đổi, bổ sung như sau:

IV. Phí dịch vụ thanh toán quốc tế:

Stt	Loại phí	Đơn vị thu phí	Đối tượng trả phí	Mức phí
1	Phí chuyển tiền ra nước ngoài			
1.1	Thanh toán bằng Đô la Mỹ (USD)	Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	0,15% số tiền chuyển đi (Tối thiểu 2 USD/món ; Tối đa 200 USD/món)
1.2	Thanh toán bằng Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	phục vụ khách hàng chuyển (trả) tiền	chuyển (trả) tiền	0,15% số tiền chuyển đi (Tối thiểu 2 EUR/món ; Tối đa 200 EUR/món)
2	Phí nhận tiền từ nước ngoài chuyển đến			
2.1	Thanh toán bằng Đô la Mỹ (USD)	Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	0,05% số tiền chuyển đến (Tối thiểu 1 USD/ món ; Tối đa 100 USD/món)
2.2	Thanh toán bằng Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	phục vụ khách hàng nhận tiền	nhận tiền chuyển đến	0,05% số tiền chuyển đến (Tối thiểu 1 EUR/ món ; Tối đa 100 EUR/món)

Điều 2.

1. Thay thế Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư số 33/2018/TT-NHNN ngày 21/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2013/TT-NHNN bằng Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bổ sung Phụ lục số 09, 10, 11, 12 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Vụ Thanh toán đầu mỗi trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định về mức phí duy trì số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tại Ngân hàng Nhà nước.

2. Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước làm đầu mối phối hợp với Vụ Chính sách tiền tệ và các đơn vị chức năng nghiên cứu, đề xuất mức phí duy trì số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ gửi Vụ Thanh toán làm căn cứ trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định về mức phí duy trì số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tại Ngân hàng Nhà nước.

3. Cục Công nghệ thông tin xây dựng chương trình phần mềm tính, thu phí duy trì số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ và phí dịch vụ thanh toán quốc tế của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước phù hợp với quy định tại Thông tư này.

4. Vụ Tài chính - Kế toán hướng dẫn việc hạch toán kế toán đối với các giao dịch thu phí duy trì số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ và phí dịch vụ thanh toán quốc tế của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước.

5. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Thanh toán, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ, Giám đốc Sở Giao dịch, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước và các tổ chức khác sử dụng dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Hủy bỏ khoản 1 Điều 1 Thông tư số 33/2018/TT-NHNN ngày 21/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2013/TT-NHNN.

2. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/10/2021. *pm*

Nơi nhận:

- Như khoản 5 Điều 3;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu: VP, PC, TT. *W*

**KT.THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Nguyễn Kim Anh

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đơn vị lập bảng:

TỔNG HỢP SỐ LIỆU THU PHÍ DỊCH VỤ THANH TOÁN
(Dùng cho nội bộ các đơn vị NHNN)

Tháng năm ...

STT	Loại phí	VND			USD			EUR		
		Số món giao dịch	Số tiền giao dịch	Số tiền phí	Số món giao dịch	Số tiền giao dịch	Số tiền phí	Số món giao dịch	Số tiền giao dịch	Số tiền phí
I.	Hệ thống TTĐTLNH									
1.	Phí tham gia	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2.	Phí thường niên	X	X		X	X		X	X	X
3.	Phí giao dịch thanh toán									
a.	Tiêu hệ thống thanh toán giá trị cao				X	X	X	X	X	X
b.	Tiêu hệ thống thanh toán giá trị thấp				X	X	X	X	X	X
c.	Thanh toán ngoại tệ	X	X	X						
4.	Phí xử lý kết quả quyết toán ròng từ các hệ thống khác				X	X	X	X	X	X
II.	Hệ thống thanh toán bù trừ trên cùng một địa bàn tỉnh, TP									
1.	Phí tham gia	X			X	X	X	X	X	X
2.	Phí thường niên	X			X	X	X	X	X	X
3.	Phí giao dịch thanh toán				X	X	X	X	X	X
III.	Thanh toán từng lần qua tài									

	khoản tiền gửi tại NHNN								
IV.	Phí dịch vụ thanh toán quốc tế								
1.	Phí chuyển tiền ra nước ngoài	X							
2.	Phí nhận tiền từ nước ngoài chuyển đến	X							
V.	Phí duy trì số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ	X		X		X		X	
	Tổng cộng:								

....., ngày.....tháng.....năm.....

LẬP BẢNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Đơn vị lập bảng: Sở Giao dịch NHNN, Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- Đơn vị khai thác thông tin: Vụ Thanh toán – NHNN Việt Nam, 25 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Hướng dẫn tổng hợp số liệu: Số liệu trong bảng được tổng hợp từ số liệu thu phí tại mỗi đơn vị NHNN (Sở Giao dịch NHNN, Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương); không điền vào những ô có dấu (X).

AM

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đơn vị thu phí:

**BẢNG KÊ PHÍ DUY TRÌ SỐ DƯ TIỀN GỬI TRÊN
TÀI KHOẢN THANH TOÁN BẰNG NGOẠI TỆ¹**

Loại tiền tệ:(*)
Tháng năm

TK Nợ:..... Trang:

Đơn vị trả phí: Mã NH:

STT	Ngày	Số dư tiền gửi đầu ngày trên tài khoản thanh toán ngoại tệ	Mức phí (%)	Số phí phải thu
1.				
2.				
3.				
...				
Tổng số phí phải thu trong tháng				

Tổng số phí phải thu (bằng chữ):

Quy đổi VND (**):

- (1) Số tiền phí nguyên tệ:.....
 (2) Tỷ giá ngày hạch toán:.....
 (3) Số tiền phí phải thu quy đổi VND ((1) x (2)) =.....

....., ngày tháng năm

LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lưu ý:

- (*) Loại tiền tệ: Bảng kê được lập riêng cho từng loại tiền tệ.
 (**) Áp dụng cho trường hợp tính, quy đổi thu phí bằng VND.

¹ Việc thu phí duy trì số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ được thực hiện trong vòng 10 ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo.

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đơn vị thu phí:

BẢNG KÊ PHÍ DỊCH VỤ THANH TOÁN QUỐC TẾ

Loại tiền tệ: USD/EUR(*)

Tháng năm

TK Nợ:..... Trang:

Đơn vị trả phí: Mã NH:

STT	Ngày giao dịch	Số chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Mức phí (%)	Tiền phí
I.	Phí chuyển tiền ra nước ngoài				
1.					
2.					
...					
Tổng:					
II.	Phí nhận tiền từ nước ngoài chuyển đến				
1.					
2.					
...					
Tổng:					
Tổng số phí phải thu trong tháng					

Tổng số phí phải thu (bằng chữ):

Quy đổi VND (**):

(1) Số tiền phí nguyên tệ:.....

(2) Tỷ giá ngày hạch toán:.....

(3) Số tiền phí phải thu quy đổi VND ((1) x (2)) =.....

....., ngày tháng năm

LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lưu ý:

(*) Loại tiền tệ: Bảng kê được lập riêng cho từng loại tiền tệ.

(**) Áp dụng cho trường hợp tính, quy đổi thu phí bằng VND.

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đơn vị thu phí:

**BẢNG KÊ PHÍ XỬ LÝ KẾT QUẢ QUYẾT TOÁN RÒNG
TỪ CÁC HỆ THỐNG KHÁC**

Loại tiền tệ: Việt Nam đồng (VND)

Tháng ... năm

TK Nợ:..... Trang:

Đơn vị trả phí: Mã NH:

STT	Ngày giờ giao dịch	Số chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Tiền phí
TỔNG CỘNG:			(Tổng số tiền giao dịch)	(Tổng số tiền phí phải trả)

Ghi chú: Mức phí 0,02% số tiền thanh toán (tối thiểu 4.000 đồng/món, tối đa 100.000 đồng/món).

Tổng số tiền phí phải thu (bằng chữ):

....., ngày tháng năm

LẬP BẢNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT
(Ký và ghi rõ họ tên)

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đơn vị thu phí:

**BẢNG KÊ TỔNG HỢP PHÍ XỬ LÝ KẾT QUẢ QUYẾT TOÁN RÒNG
TỪ CÁC HỆ THỐNG KHÁC**

Loại tiền tệ: Việt Nam đồng (VND)

Tháng ... năm

STT	Ngày giao dịch	Số chứng từ	Mã NH	Tên Ngân hàng	Số tiền VND
1					
2					
...					
Tổng:					

....., ngày.....tháng.....năm

LẬP BẢNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT

(Ký và ghi rõ họ tên)

PM